

Số: 15/2025/QĐST - HNGĐ

T, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH L HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Nơi tạm trú: Đội 9, thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên;

Bị đơn: Anh Vũ Duy Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Vũ Duy T, sinh ngày 15/9/2011.

- Cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 15/10/2013.

- Cháu Vũ Thị Quỳnh C, sinh ngày 21/07/2019.

- Cháu Vũ Duy P, ngày 27/4/2021.

Người đại diện hợp pháp cho các cháu T, L, C, P: Anh Vũ Duy Đ và chị Nguyễn Thị T là bố, mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Duy Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Duy Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Vũ Duy T, sinh ngày 15/9/2011; Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 15/10/2013; Vũ Thị Quỳnh C, sinh ngày 21/07/2019 và Vũ Duy P, sinh ngày 27/4/2021. Hiện các cháu đang ở cùng với anh Đ. Anh chị thỏa thuận giao cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cả 04 cháu T, L, C và P cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ cháu Vũ Duy P số tiền là 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Chị T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị T không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời Đ thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị T, anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị T phải nộp là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai ký hiệu BLTU/24 số 0001098 ngày 06/02/2025 của C cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
 - VKSND huyện T;
 - C cục THADS huyện T;
 - UBND xã C (xã Minh Phượng cũ)
- Giấy CNKH số 32 ngày 04/11/2010;*
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc